

Số: 4254 /QĐ-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026 – 2030
đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 24602/STC-HCSN ngày 26 tháng 8 năm 2026 về việc phân loại tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026 - 2030 của các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026 - 2030 cho 237 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Các đơn vị sự nghiệp được phân loại cụ thể như sau:

- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1): 02 đơn vị.
- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2): 02 đơn vị.
- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3): 207 đơn vị.
- Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4): 26 đơn vị.

(Đính kèm danh sách phân loại các đơn vị sự nghiệp công lập)

Điều 3. Căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp và kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định (năm 2026) tại Điều 2 nêu trên; Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị nêu tại Điều 2 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính;
- KBNN Khu vực II;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC (Linh). 



GIÁM ĐỐC


Nguyễn Tấn Phát



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐƯỢC GIAO QUYỀN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Quyết định số 4254/QĐ-SGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>
1	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1)	111,50	0
2	Trung tâm Thông tin và Chương trình giáo dục	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1)	128,34	0
3	Trường Mầm non Nam Sài Gòn	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2)	100,00	0
4	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nam Sài Gòn	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2)	100,00	0
5	Trường Mầm non 19/5 Thành phố	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	13.001.000.000
6	Trường Mầm non Thành phố	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,30	9.012.000.000
7	Trường Trung học phổ thông An Nhơn Tây	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,55	19.716.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
8	Trường Trung học phổ thông Củ Chi	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,88	23.373.000.000
9	Trường Trung học phổ thông Quang Trung	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,25	18.159.000.000
10	Trường Trung học phổ thông Trung Phú	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,04	25.224.000.000
11	Trường Trung học phổ thông Trung Lập	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,38	12.476.000.000
12	Trường Trung học phổ thông Phú Hòa	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	19.397.000.000
13	Trường Trung học phổ thông Tân Thông Hội	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,59	18.462.000.000
14	Trường Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,02	18.800.000.000
15	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Tiến	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,94	17.736.000.000
16	Trường Trung học phổ thông Phạm Văn Sáng	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,86	21.371.000.000
17	Trường Trung học phổ thông Hồ Thị Bi	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,38	18.091.000.000
18	Trường Trung học phổ thông Võ Trường Toản	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,05	22.667.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
19	Trường Trung học phổ thông Thạnh Lộc	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,42	20.820.000.000
20	Trường Trung học phổ thông Trường Chinh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,65	28.222.000.000
21	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cầu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,83	20.833.000.000
22	Trường Trung học phổ thông Bà Điểm	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,34	22.599.000.000
23	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,25	18.983.000.000
24	Trường Trung học phổ thông Lê Trọng Tấn	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,27	22.096.000.000
25	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,20	21.046.000.000
26	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thượng Hiền	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,03	26.498.000.000
27	Trường Trung học phổ thông Tân Bình	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,28	25.847.000.000
28	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Chí Thanh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,01	23.298.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
29	Trường Trung học phổ thông Trần Phú	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,00	33.949.000.000
30	Trường Trung học phổ thông Tây Thạnh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,18	29.868.000.000
31	Trường Trung học phổ thông Phú Nhuận	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,98	27.300.000.000
32	Trường Trung học phổ thông Gò Vấp	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,12	19.562.000.000
33	Trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,23	21.948.000.000
34	Trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,56	18.661.000.000
35	Trường Trung học phổ thông Hàn Thuyên	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,63	17.817.000.000
36	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,26	23.252.000.000
37	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Công Trứ	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,83	28.748.000.000
38	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,72	28.609.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
39	Trường Trung học phổ thông Bùi Thị Xuân	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,55	22.992.000.000
40	Trường Trung học phổ thông Trung Vương	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,57	25.265.000.000
41	Trường Trung học phổ thông Ten Lơ Man	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	14,14	16.265.000.000
42	Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,33	22.847.000.000
43	Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,71	17.580.000.000
44	Trường Trung học phổ thông Marie Curie	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,36	33.316.000.000
45	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	15,60	20.664.000.000
46	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Diệu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	22,29	16.814.000.000
47	Trường Trung học phổ thông Hoàng Hoa Thám	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,21	25.116.000.000
48	Trường Trung học phổ thông Thanh Đa	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,02	19.809.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
49	Trường Trung học phổ thông Gia Định	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,84	28.982.000.000
50	Trường Trung học phổ thông Võ Thị Sáu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,85	26.974.000.000
51	Trường Trung học phổ thông năng khiếu Thể dục Thể thao	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,80	6.692.000.000
52	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,44	14.420.000.000
53	Trường Trung học phổ thông Hùng Vương	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,94	31.036.000.000
54	Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,02	49.973.000.000
55	Trường Trung học phổ thông Trần Khai Nguyên	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,98	22.772.000.000
56	Trường Trung học phổ thông Trần Hữu Trang	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,56	10.553.000.000
57	Trường Trung học phổ thông Phạm Phú Thứ	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	14,98	17.840.000.000
58	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,90	20.021.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
59	Trường Trung học phổ thông Nguyễn An Ninh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,83	21.757.000.000
60	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,32	23.096.000.000
61	Trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Diên Hồng	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,29	15.674.000.000
62	Trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Sương Nguyệt Anh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,59	16.044.000.000
63	Trường Trung học phổ thông Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,26	18.832.000.000
64	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hiền	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,47	17.678.000.000
65	Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,67	28.661.000.000
66	Trường Trung học phổ thông Mạc Đĩnh Chi	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,14	35.504.000.000
67	Trường Trung học phổ thông Bình Phú	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,04	24.851.000.000
68	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,86	24.264.000.000
69	Trường Trung học phổ thông An Lạc	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,86	23.271.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
70	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Lộc	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,32	19.575.000.000
71	Trường Trung học phổ thông Bình Tân	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,60	20.551.000.000
72	Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hòa	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,44	21.672.000.000
73	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cánh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,48	19.737.000.000
74	Trường Trung học phổ thông Hoàng Thế Thiện	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,00	8.210.000.000
75	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,72	18.952.000.000
76	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Thọ	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,76	21.204.000.000
77	Trường Trung học phổ thông Lê Thánh Tôn	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,24	20.047.000.000
78	Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,69	24.319.000.000
79	Trường Trung học phổ thông Tân Phong	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,98	19.573.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
80	Trường Trung học phổ thông Lương Văn Can	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,05	21.025.000.000
81	Trường Trung học phổ thông Ngô Gia Tự	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,41	19.599.000.000
82	Trường Trung học phổ thông Tạ Quang Bửu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,79	22.496.000.000
83	Trường Phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao Nguyễn Thị Định	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,00	30.711.000.000
84	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Linh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,32	14.978.000.000
85	Trường Trung học phổ thông Võ Văn Kiệt	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	14,09	16.389.000.000
86	Trường Trung học phổ thông Tam Phú	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,40	20.612.000.000
87	Trường Trung học phổ thông Hiệp Bình	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,04	20.702.000.000
88	Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,77	19.702.000.000
89	Trường Trung học phổ thông Linh Trung	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	14,61	20.058.000.000
90	Trường Trung học phổ thông Bình Chiểu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,19	17.772.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
91	Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,70	37.411.000.000
92	Trường Trung học phổ thông Giồng Ông Tố	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,76	19.394.000.000
93	Trường Trung học phổ thông Thủ Thiêm	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,53	17.540.000.000
94	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,50	24.199.000.000
95	Trường Trung học phổ thông Phước Long	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,08	19.667.000.000
96	Trường Trung học phổ thông Long Trường	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,02	17.609.000.000
97	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,09	18.658.000.000
98	Trường Trung học phổ thông Thủ Đức	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,71	26.459.000.000
99	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Huân	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,00	26.967.000.000
100	Trường Trung học phổ thông Dương Văn Thi	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,32	16.756.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
101	Trường Trung học phổ thông Bình Chánh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,39	20.442.000.000
102	Trường Trung học phổ thông Đa Phước	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,22	15.240.000.000
103	Trường Trung học phổ thông Lê Minh Xuân	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,65	21.688.000.000
104	Trường Trung học phổ thông Tân Túc	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,85	18.639.000.000
105	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Lộc B	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	14,47	17.811.000.000
106	Trường Phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao Bình Chánh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,04	18.573.000.000
107	Trường Trung học phổ thông Long Thới	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,11	13.536.000.000
108	Trường Trung học phổ thông Phước Kiển	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,35	16.860.000.000
109	Trường Trung học phổ thông Dương Văn Dương	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,01	17.102.000.000
110	Trường Trung học phổ thông Bình Khánh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,02	10.936.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
111	Trường Trung học phổ thông Cần Thạnh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	10.653.000.000
112	Trường Trung học phổ thông An Nghĩa	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	12.189.000.000
113	Trường Trung học phổ thông Phong Phú	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,48	11.493.000.000
114	Trường Trung học phổ thông Bình An	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,53	15.125.000.000
115	Trường Trung học phổ thông Dĩ An	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,20	17.981.000.000
116	Trường Trung học phổ thông Nguyễn An Ninh - Bình Dương	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,28	15.181.000.000
117	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai - Bình Dương	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,27	18.953.000.000
118	Trường Trung học phổ thông An Mỹ	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,20	21.712.000.000
119	Trường Trung học phổ thông Bình Phú - Bình Dương	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	22.421.000.000
120	Trường Trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	24.563.000.000
121	Trường Trung học phổ thông Lý Thái Tổ	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,82	17.309.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
122	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	17.282.000.000
123	Trường Trung học phổ thông Trần Văn Ôn	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,88	18.643.000.000
124	Trường Trung học phổ thông Trịnh Hoài Đức	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,63	18.589.000.000
125	Trường Trung học phổ thông Võ Minh Đức	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	22.882.000.000
126	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi - Bình Dương	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	22.098.000.000
127	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	15.569.000.000
128	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tây Sơn	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,02	17.956.000.000
129	Trường Trung học phổ thông Huỳnh Văn Nghệ	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,02	17.471.000.000
130	Trường Trung học phổ thông Lê Lợi	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,74	8.344.000.000
131	Trường Trung học phổ thông Phước Hoà	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,47	7.819.000.000
132	Trường Trung học phổ thông Phước Vĩnh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,00	19.938.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
133	Trường Trung học phổ thông Tân Bình - Bình Dương	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,02	9.889.000.000
134	Trường Trung học phổ thông Tân Phước Khánh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,00	16.607.000.000
135	Trường Trung học phổ thông Thái Hòa	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,02	14.558.000.000
136	Trường Trung học phổ thông Thường Tân	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,02	10.614.000.000
137	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Minh Hòa	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	16.298.000.000
138	Trường Trung học phổ thông Bàu Bàng	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,81	17.824.000.000
139	Trường Trung học phổ thông Bến Cát	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,09	22.766.000.000
140	Trường Trung học phổ thông Dầu Tiếng	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	16.194.000.000
141	Trường Trung học phổ thông Long Hòa	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,32	6.568.000.000
142	Trường Trung học phổ thông Tây Nam	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,04	14.557.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
143	Trường Trung học phổ thông Thanh Tuyên	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,00	20.635.000.000
144	Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,01	34.886.000.000
145	Trường Trung học phổ thông Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,78	26.742.000.000
146	Trường Trung học phổ thông Đinh Tiên Hoàng	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,32	23.172.000.000
147	Trường Trung học phổ thông Trần Nguyên Hãn	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,89	21.620.000.000
148	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ - Bà Rịa - Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,34	26.232.000.000
149	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến - Bà Rịa - Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,63	19.589.000.000
150	Trường Trung học phổ thông Châu Thành	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,91	18.525.000.000
151	Trường Trung học phổ thông Bà Rịa	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,77	18.496.000.000
152	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,07	17.077.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
153	Trường Trung học phổ thông Phú Mỹ	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,62	25.076.000.000
154	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo - Bà Rịa -Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,96	19.077.000.000
155	Trường Trung học phổ thông Hắc Dịch	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,23	20.110.000.000
156	Trường Trung học phổ thông Trần Văn Quan	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,46	14.444.000.000
157	Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải - Bà Rịa -Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,41	12.350.000.000
158	Trường Trung học phổ thông Minh Đạm	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,49	13.090.000.000
159	Trường Trung học phổ thông Long Hải - Phước Tỉnh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,14	14.079.000.000
160	Trường Trung học phổ thông Võ Thị Sáu - Bà Rịa - Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,08	14.873.000.000
161	Trường Trung học phổ thông Dương Bạch Mai	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,60	12.005.000.000
162	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du - Bà Rịa - Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,29	16.530.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
163	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi - Bà Rịa - Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,86	17.077.000.000
164	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,11	13.222.000.000
165	Trường Trung học phổ thông Trần Phú - Bà Rịa - Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,89	17.549.000.000
166	Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền - Bà Rịa - Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,90	17.039.000.000
167	Trường Trung học phổ thông Bung Riềng	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,94	12.402.000.000
168	Trường Trung học phổ thông Xuyên Mộc	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,56	17.611.000.000
169	Trường Trung học phổ thông Hòa Bình	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,29	15.583.000.000
170	Trường Trung học phổ thông Hòa Hội	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,99	12.455.000.000
171	Trường Trung học phổ thông Phước Bửu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,52	15.980.000.000
172	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Lê Quý Đôn	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,24	3.420.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
173	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tiếng Hoa	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,03	1.076.000.000
174	Trung tâm Giáo dục Kỹ thuật - Tổng hợp và Hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,01	12.119.000.000
175	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Chu Văn An	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	16,84	10.980.000.000
176	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gia Định	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,04	4.375.000.000
177	Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ Bình Dương	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,72	20.073.000.000
178	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,23	5.721.000.000
179	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	15,45	6.563.000.000
180	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Phú Mỹ	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,34	5.165.000.000
181	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Long Điền - Đất Đỏ	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,52	4.930.000.000
182	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Dạy nghề - Giới thiệu việc làm Châu Đức	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,55	6.681.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
183	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Dạy nghề - Giới thiệu việc làm Xuyên Mộc	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,57	5.440.000.000
184	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	16,96	11.740.000.000
185	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Hóc Môn	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,70	9.644.000.000
186	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận 12	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	23,27	21.529.000.000
187	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận 3	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	22,27	5.996.000.000
188	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận Tân Bình	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	21,31	9.721.000.000
189	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận Tân Phú	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	29,57	9.525.000.000
190	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận Gò Vấp	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,34	8.873.000.000
191	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận Phú Nhuận	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	17,44	8.331.000.000
192	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận 1	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	25,13	5.829.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
193	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận Bình Thạnh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,18	5.805.000.000
194	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận 5	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,02	3.574.000.000
195	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận 6	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,18	9.545.000.000
196	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận 10	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	16,21	7.697.000.000
197	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận 11	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,02	7.833.000.000
198	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận Bình Tân	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,53	8.017.000.000
199	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 4	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,58	4.756.000.000
200	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 7	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	27,43	8.125.000.000
201	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 8	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,67	6.210.000.000
202	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Thủ Đức	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	14,39	20.941.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
203	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Bình Chánh	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	10,06	7.824.000.000
204	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	12,04	7.308.000.000
205	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thuận An	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	27,80	7.227.000.000
206	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Dĩ An	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,38	11.442.000.000
207	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phú Giáo	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,28	7.630.000.000
208	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tân Uyên	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	13,47	8.825.000.000
209	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Bàu bàng	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	19,35	4.358.000.000
210	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Bến Cát	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,22	9.994.000.000
211	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Dầu Tiếng	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)	11,81	7.646.000.000
212	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập cho Người Khuyết Tật	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	8.412.000.000
213	Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	13.516.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
214	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập quận Tân Bình	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	6.557.000.000
215	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Bình Chánh	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	9.695.000.000
216	Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật huyện Củ Chi	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	7.468.000.000
217	Trường Chuyên biệt Ánh Dương Quận 12	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,03	10.628.000.000
218	Trường Chuyên biệt Bình Minh	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	11.141.000.000
219	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng quận Gò Vấp	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	8.479.000.000
220	Trường Giáo dục Chuyên biệt Niềm Tin	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	4.538.000.000
221	Trường Giáo dục Chuyên biệt Tương Lai	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,18	5.123.000.000
222	Trường Tương Lai Quận 3	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	3.656.000.000
223	Trường Chuyên biệt Tương Lai Quận 5	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,38	5.753.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
224	Trường Chuyên biệt Quận 10	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,71	6.085.000.000
225	Trường Giáo dục Chuyên biệt 15/5	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	4.467.000.000
226	Trường Hy Vọng Quận 6	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	5.741.000.000
227	Trường Chuyên biệt Bình Tân	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	10.573.000.000
228	Trường Chuyên biệt 1 tháng 6	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	5.869.000.000
229	Trường Hy Vọng Quận 8	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	5.122.000.000
230	Trường Giáo dục Chuyên biệt Thảo Điền	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	9.379.000.000
231	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,64	5.430.000.000
232	Trường Nuôi dạy trẻ Khiếm Thị Hữu Nghị	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	13.592.000.000
233	Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	0,00	18.726.000.000

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Phân loại tự chủ tài chính	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định - năm 2026 (đồng)
234	Trường Phổ thông dân tộc nội trú	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	2,66	15.207.000.000
235	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Thạnh An	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	4,29	7.256.000.000
236	Trường Trung học phổ thông Võ Thị Sáu - Côn Đảo	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	4,82	8.502.000.000
237	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cần Giờ	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)	5,73	7.106.000.000
TỔNG CỘNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ:				3.848.456.000.000

(Phụ lục này có 24 trang và là một phần không tách rời của Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026 – 2030 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo)